

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/12/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa
2. Ông Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 17/7/2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, không ở chung với nhau được. Trong khi vợ chồng có xô xát anh T hay dùng hành vi bạo lực với chị, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của chị và con. Đến nay, Chị Lê X thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 10/02/2015. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi cháu N đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2024, anh Nguyễn Văn T công nhận anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, có cãi cọ trong gia đình. Đến nay chị L có đơn ra tòa yêu cầu ly hôn anh thấy mọi việc không quá phức tạp, và vẫn còn tình cảm dành cho gia đình nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung anh chị có 1 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/2/2015, nếu vợ chồng không thể hòa hợp làm lại thì con sẽ do anh chăm sóc đến 18 tuổi và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản anh và chị L không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã ra thông báo hòa giải nhưng anh T vắng mặt, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do đó không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến cháu Nguyễn Bảo N thì hiện nay bố mẹ cháu không ở cùng nhau, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định xét xử cho anh Nguyễn Văn T nhưng không được. Do đó Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T, Về con: giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, không ở chung với nhau được. Chị L xác định chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị L đã không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Tại văn bản ghi ý kiến con chưa thành niên, cháu Nguyễn Bảo N cũng xác nhận hiện bố mẹ không ở cùng nhau. Do đó xác định hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, hiện nay anh chị đã không còn chung sống cùng nhau, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình, như vậy anh chị đã không còn tình nghĩa vợ chồng nữa. Tại bản tự khai anh T xác định anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2024 đến nay, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên quá trình Tòa án ra thông báo hòa giải thì anh T vắng mặt không có lý do. Quá trình Tòa án triệu tập anh T đều không đến Tòa án để làm việc. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/02/2015. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của cháu N, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác từ khi anh chị sống ly thân, cháu N vẫn ở với mẹ. Mặc dù trong bản tự khai anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nhưng sau đó anh T không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự. Sau khi triệu tập anh T đến Tòa án để làm việc anh T không đến, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả xác minh cho thấy anh T hiện không có mặt tại địa phương, không ai biết anh T đi đâu, làm gì. Do đó, căn cứ trên ý kiến nguyện vọng của cháu N, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi trưởng thành 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/02/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 07/10/2024 của Công ty cổ phần T2 và biên lai số 0000851 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị L đã thi hành xong khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện V;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên

